**KHUNG KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ** **và Chương trình hành động số 175-CTHĐ/TU ngày 02/7/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

*(Đính kèm Kế hoạch số …./KH-UBND ngày.....tháng…..năm 2020 của UBND tỉnh)*

| **TT** | **Nội dung nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng** | | | |
| 1.1 | Tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung Chương trình hành động số 175-CTHĐ/TU ngày 02/7/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy , Kế hoạch hành động của UBND tỉnh | Cấp ủy đảng các cấp | UBND Cấp huyện(UBND Cấp huyện) và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 |
| 1.2 | Tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến rộng rãi các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLBV&PTR. | UBND Cấp huyện  Sở Thông tin và Truyền thông | Sở NN&PTNT, Báo Quảng Trị; Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, UBND Cấp huyện  và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 1.3 | Thực hiện các chuyên đề, chuyên mục về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Biên soạn và phát hành các bản tin, ấn phẩm, cẩm nang để tuyên truyền đến tận các xã, thôn, bản. Phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng các hình thức đa dạng, phong phú. | Sở Nông nghiệp và PTNT, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, | Sở Thông tin và truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| **II** | **Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng** | | | |
| 2.1 | Rà soát sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách địa phương liên quan đến công tác QLBV&PTR. | Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND Cấp huyện | Các cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2021-2025, tầm nhìn 2030. |
| 2.2 | Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Nội vụ, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 – 2025, tầm nhìn 2030. |
| 2.3 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng các quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, BCH Quân sự tỉnh và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 - 2021 |
| 2.4 | Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quản lý nhà nước về QLBV&PTR. Xử lý nghiêm trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra những sai phạm, trong thực hiện nhiệm vụ QLBV&PTR. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Công an tỉnh, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên hàng năm. |
| 2.5 | Rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở chế biến lâm sản; quản lý chặt chẽ việc cấp đăng ký kinh doanh và giám sát hoạt động của các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Cục quản lý thị trường tỉnh, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan | Năm 2020 -2025 |
| 2.6 | Ổn định dân cư, nâng cao đời sống vật chất của người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, thực hiện tốt chính sách định canh định cư, phát triển sinh kế, đào tạo nghề cho lao động miền núi, hạn chế tối đa tác động và xâm hại đến tài nguyên rừng.. | UBND Cấp huyện | Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động, thương binh xã hội; Văn phòng Điều phối chương trình MTQG về nông thôn mới, Các cơ quan, đơn vị liên quan. | Năm 2021 -2025 |
| **III** | **Rà soát công tác quy hoạch ba loại rừng, giao rừng gắn với giao đất; đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động tiêu cực đến rừng; nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng.** | | | |
| 3.1 | Hoàn thành công tác rà soát quy hoạch ba loại rừng, thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Cấp huyện, các chủ rừng và cơ quan đơn vị liên quan | Năm 2020 - 2025. |
| 3.2 | Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc điều tra, đo đạc và xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đóng mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa, góp phần ngăn chặn và giải quyết dứt điểm tình trạng xâm lấn, tranh chấp rừng, đất rừng. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Cấp huyện, các chủ rừng và cơ quan đơn vị liên quan | Năm 2020 - 2025. |
| 3.3 | Rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trong đó có các Dự án có thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh, UBND Cấp huyệnvà cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 - 2025. |
| 3.4 | Kiểm tra, giám sát chặt chẽ và kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, tác động xấu đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân vùng dự án; | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh, UBND Cấp huyệnvà cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 3.5 | Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt, chuyển mục đích sử dụng rừng, cấp phép đầu tư. | UBND Cấp huyện | Sở Nông nghiệp và PTNT, Công an tỉnh và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 3.6 | Quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án phát triển thủy điện, điện gió, điện mặt trời, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch… trên địa bàn tỉnh; không chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác (trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh) theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương,Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh, UBND Cấp huyệnvà cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 3.7 | Hoàn thành sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty Lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị khóa XI và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông lâm, nghiệp. | Sở Tài chính | Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND Cấp huyện và các đơn vị liên quan. | Năm 2020-2025. |
| **IV** | **Công tác phát triển rừng, nâng cao giá trị của rừng** | | | |
| 4.1 | Tăng cường đầu tư từ ngân sách Nhà nước để bảm đảm công tác QLBV&PTR theo quy hoạch, kế hoạch, đề án và dự án đã được phê duyệt. | Sở Tài chính | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 4.2 | Nâng cao chất lượng rừng trồng, tập trung trồng rừng thâm canh và chuyển hóa rừng từ cung cấp nguyên liệu dăm gỗ sang kinh doanh gỗ lớn theo hướng phát triển bền vững; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và kinh doanh rừng trồng gỗ lớn (gắn với chứng chỉ rừng FSC, PEFC, VFCS), giảm dần tỷ lệ gỗ nguyên liệu nhập khẩu và chế biến dăm gỗ. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 - 2025, tầm nhìn 2030. |
| 4.3 | Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất lâm nghiệp, chủ động khâu giống, nhất là phát triển giống nuôi cấy mô. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2020 - 2025, tầm nhìn 2030. |
| 4.4 | Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác, chấp hành nghiêm túc các phương án trồng rừng thay thế đã được phê duyệt | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 4.5 | Thực hiện các biện pháp khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, nâng cao chất lượng, giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND Cấp huyệnvà cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 4.6 | Quy hoạch vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm có giá trị kinh tế cao để thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham gia tích cực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng . | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Công thương, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Năm 2021-2025. |
| **V** | **Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương và người dân; đẩy mạnh lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng** | | | |
| 5.1 | Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. | Cấp ủy đảng các cấp | UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm |
| 5.2 | Lực lượng Kiểm lâm phải thực sự làm nòng cốt tham mưu cho chính quyền các cấp trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ với lực lượng Kiểm lâm trong việc tuần tra, kiểm soát, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 5.3 | Phát huy vai trò giám sát và tham gia tích cực của người dân, người có uy tín, già làng, trưởng bản trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ rừng. Nâng cao trách nhiệm của các hộ, nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng. | UBND Cấp huyện | Các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên hàng năm. |
| 5.4 | Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải chịu trách nhiệm chính khi để xảy ra vi phạm QLBV&PTR hoặc để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định của pháp luật về QLBV&PTR. | UBND Cấp huyện | Các cơ quan đơn vị liên quan | Thường xuyên hàng năm. |
| **VI** | **Hợp tác, hội nhập Quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.** | | | |
| 6.1 | Tạo môi trường thông thoáng, thu hút đầu tư nguồn vốn nước ngoài trong công tác QLBV&PTR theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. | Sở Ngoại vụ | Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 6.2 | Xây dựng các đề án, dự án về quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng và tăng cường xúc tiến, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư UBND Cấp huyện và cơ quan đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |
| 6.3 | Tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương với nước bạn Lào trong quản lý bảo vệ rừng vùng giáp ranh, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép lâm sản qua biên giới. | Sở Ngoại vụ | Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan. | Thường xuyên hàng năm. |